TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST Ngày 17-3-2023. V/v: Ly hôn giữa chị P và anh M.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị C T P, sinh năm 1992.

Trú tại: Bản X, xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh L V M, sinh năm 1991.

Trú tại: Bản X, xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Hiện cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lò Văn Trực.

Trú tại: Bản X, xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị C T P trình bày:

Chị và anh L V M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 10/11/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống

chung hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L V M không chăm lo xây dựng gia đình và đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Hiện cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Từ đó hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị C T P xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh L V M.

Về con chung: Có ba con là Lò Văn Huy, sinh ngày 02/6/2012 và Lò Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 20/02/2015 và Lò Đức Nghiệp, sinh ngày 26/12/2016. Chị xin được nuôi dưỡng hai cháu nhỏ, cháu lớn đẻ cho bố nuôi, không yêu cầu anh L V M phải cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Chị công nhận bố chồng là Lò Văn Trực đã trả nợ hộ khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội Mường La là 14.000.000, đồng, nay đồng ý thỏa thuận giữa chị P, anh M và ông Trực là mỗi người trả cho ông Lò Văn Trực 7.000.000, đồng;

Về tài sản chung, riêng: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh L V M trình bày:

Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị C T P và anh L V M. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị C T P. Nay chị C T P yêu cầu ly hôn anh xin đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có ba con là Lò Văn Huy, sinh ngày 02/6/2012 và Lò Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 20/02/2015 và Lò Đức Nghiệp, sinh ngày 26/12/2016, anh xin được nuôi con lớn, hai con nhỏ để vợ nuôi, do anh đang đi cai nghiện, để cho ông bà nội nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị C T P cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Anh công nhận bố là Lò Văn Trực đã trả nợ hộ khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội Mường La là 14.000.000, đồng, nay đồng ý thỏa thuận giữa chị, anh M và ông Trực là mỗi người trả cho ông Lò Văn Trực 7.000.000, đồng;

Đối khoản tiền nợ phân bón là là 15.000.000, đồng anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, riêng: Đều không có.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn Trực trình bày: Ông công nhận đã trả nợ hộ khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội Mường La cho hai vợ chồng là 14.000.000, đồng, nay đồng ý thỏa thuận giữa chị, anh M và ông Trực là mỗi người trả cho ông Lò Văn Trực 7.000.000, đồng. Số tiền này không tính lãi.

Đối với khoản phí đóng góp cho hợp tác xã là 2.200.000, đồng ông có đóng hộ hai vợ chồng P, M nhưng nay không yêu cầu hai người phải trả cho ông.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ xử cho chị C T P được ly hôn anh L V M.

Về con chung: Giao cho chị C T P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 20/02/2015 và Lò Đức Nghiệp, sinh ngày 26/12/2016; Anh L V M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Văn Huy, sinh ngày 02/6/2012. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị C T P và Anh L V M trả cho ông Lò Văn Trực mỗi người 7.000.000, đồng. Số tiền này không tính lãi.

Chị C T P chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh L V M sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bầy nguyện vọng, anh L V M đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La và đã triệu tập xét xử hợp lệ có đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn chị C T P và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn Trực đều có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C T P và anh L V M có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh L V M không chăm lo xây dựng gia đình và đi vào con đường nghiện ma túy. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị C T P và anh L V M đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị C T P yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị C T P được ly hôn anh L V M.

[3] Về con chung: Có ba con là Lò Văn Huy, sinh ngày 02/6/2012 và Lò Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 20/02/2015 và Lò Đức Nghiệp, sinh ngày 26/12/2016.

Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu. Cần giao hai cháu Lò Thị Ngọc Huyền và Lò Đức Nghiệp cho chị C T P trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lò Văn Huy cho anh L V M nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về nợ chung:

Căn cứ lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn Trực và biên bản xác minh đối với Ngân hàng chính sách xã hội Mường La xác nhận ông Lò Văn Trực đã trả nợ hộ khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội Mường La cho hai vợ chồng là 14.000.000, đồng, nay các đương sự thỏa thuận là mỗi người trả cho ông Lò Văn Trực 7.000.000, đồng và số tiền này không tính lãi, là có căn cứ chấp nhận;

Đối với khoản phí đóng góp cho hợp tác xã là 2.200.000, đồng ông Lò Văn Trực có đóng hộ hai vợ chồng P, M nhưng nay không yêu cầu hai người phải trả cho ông, cần chấp nhận.

Đối khoản tiền nợ phân bón là 15.000.000, đồng anh L V M không yêu cầu giải quyết, cần chấp nhận không xem xét giải quyết trong vụ án này theo quy định của Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về tài sản chung, riêng: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị C T P chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị C T P được ly hôn anh L V M.

2. Về con chung: Giao cho chị C T P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 20/02/2015 và Lò Đức Nghiệp, sinh ngày 26/12/2016; Anh L V M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Văn Huy, sinh ngày 02/6/2012. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Chị C T P trả cho ông Lò Văn Trực 7.000.000, đồng (bẩy triệu đồng) và Anh L V M trả cho ông Lò Văn Trực 7.000.000, đồng (bẩy triệu đồng). Số tiền này không tính lãi.

5. Về án phí: Chị C T P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003803 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị C T P, anh L V M và ông Lò Văn Trực được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Đã ký)

Nguyễn Minh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Y, huyện Mường La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (3);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.